

QUYẾT ĐỊNH

về việc điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4565/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND tỉnh về việc kéo dài vốn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 27/03/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh về việc kéo dài kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2022 kéo dài và năm 2023 sang năm 2024 để tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 11/8/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 128/TTr-SKHĐT ngày 08/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội bộ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 như chi tiết tại các Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Giám

độc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bình Định; Chủ tịch UBND huyện: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Tây Sơn, Hoài Ân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

mm

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPTH;
- Lưu: VT, K2, K17, K20.

th

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

**ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(VỐN NĂM 2022, 2023 KÉO DÀI VÀ VỐN NĂM 2024)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 KÉO DÀI									
A	HUYỆN VINH THẠNH									
*	Điều chỉnh giảm					-4,506	-3,031			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-4,506	0,000			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					-4,506	0,000			
+	<i>Xã Vinh Hòa</i>					-4,506	0,000			
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn M8	3321/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.643,918	4,506	118,699	-4,506	0,000	0,000	118,699	
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					0,000	-3,031			
+	<i>Xã Vinh Hiệp</i>					0,000	-3,031			
1	Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Thanh Quang, xã Vinh Hiệp	1727/QĐ-UBND; 21/7/2023	317,000	0,000	4,797	0,000	-3,031	0,000	1,766	
*	Điều chỉnh tăng					4,506	3,031			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					4,506	3,031			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					4,506	3,031			
+	<i>Xã Vinh Kim</i>					4,506	0,000			
1	Mở rộng nhà rông thôn Đăk Tra, O3	1212/QĐ-UBND; 5/8/2024	1.150,000	0,000	0,000	4,506	0,000	4,506	0,000	
+	<i>Xã Vinh Thuận</i>					0,000	3,031			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
1	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã VinhThuận.	1956/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	4.370,000	0,000	0,000	0,000	3,031	0,000	3,031	
	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI									
A	HUYỆN TÂY SƠN									
*	Điều chỉnh giảm					-71,223	-104,600			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-71,223	-104,600			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					-71,223	-104,600			
+	<i>Xã Vinh An</i>					-71,223	-104,600			
1	Nâng cấp đường từ nhà Đình Rôi đến nhà Đình Gơ	7634/QĐ-UBND, 14/11/2022	1.181,854	78,000	8,000	-71,223	-8,000	6,777	0,000	
2	Xây dựng Chợ xã Vinh An	6191/QĐ-UBND, 17/10/2022	4.447,330	0,000	96,600	0,000	-96,600	0,000	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					71,223	104,600			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					71,223	104,600			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					71,223	104,600			
+	<i>Xã Vinh An</i>					71,223	104,600			
1	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy 3 Đức đến rẫy Đình Tô	4503/QĐ-UBND, 16/10/2024	1.266,430	0,000	0,000	0,000	104,600	0,000	104,600	
2	Nâng cấp đường BTXM từ nghĩa trang nhân dân xã đến bản tin Dốc dài	4649/QĐ-UBND, 28/10/2024	820,850	0,000	0,000	71,223	0,000	71,223	0,000	
B	HUYỆN VINH THẠNH									
*	Điều chỉnh giảm					-28,872	-141,109			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-28,833	-141,109			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									
+	Xã Vĩnh Hào					-3,914	0,000			
1	Làm mới đường vào nghĩa địa thôn Tả Điệt	1561/QĐ-UBND ngày 04/7/2023	530,000	3,914	2,821	-3,914	0,000	0,000	2,821	
+	Xã Vĩnh Hòa					-4,448	-23,000			
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến sông Kôn	1836/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	1.026,409	4,448	23,000	-4,448	-23,000	0,000	0,000	
+	Xã Vĩnh Kim					-20,471	-38,624			
1	Mở đường sản xuất từ nhà giá Tim đến rẫy Phiên A	3191/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	1.163,246	0,000	28,000	0,000	-24,843	0,000	3,157	
2	BTXM kênh mương đầu làng Kon Trú (Đầu đập suối nước xăng - ruộng Bá Truyền; Đầu đập suối nước Xiêm - ruộng Bók Na)	2242/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	445,324	41,483	54,000	-20,471	-12,677	21,012	41,323	
3	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện khu dân cư O3, Đắc Tra	3030/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	765,000	0,000	10,000	0,000	-1,104	0,000	8,896	
+	Xã Vĩnh Sơn					0,000	-9,269			
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	3058/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.747,558	0,000	9,269	0,000	-9,269	0,000	0,000	
+	Xã Vĩnh Thuận					0,000	-70,216			
1	Hệ thống thoát nước khu dân cư các làng	3067/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.589,000	0,000	78,920	0,000	-70,216	0,000	8,704	
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch									
+	Xã Vĩnh Hòa					-0,039	0,000			
1	Cải tạo khu thể thao thôn M9 và thôn M10 xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh	85/QĐ-UBND ngày 30/01/2023	572,000	0,039	0,000	-0,039	0,000	0,000	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					28,872	141,109			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					28,872	141,109			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									
+	<i>Xã Vĩnh Kim</i>					28,872	141,109			
1	Mở rộng nhà rông thôn Đăk Tra, O3		1.150,000	0,000	0,000	15,965	38,624	15,965	38,624	
+	<i>Xã Vĩnh Sơn</i>					12,907	23,000			
1	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	902/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	2.610,000	0,000	0,000	12,907	23,000	12,907	23,000	
+	<i>Xã Vĩnh Thuận</i>					0,000	79,485			
1	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vĩnh Thuận.	1956/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	4.370,000	25,422	94,100	0,000	79,485	25,422	173,585	
C	HUYỆN VÂN CANH									
*	Điều chỉnh giảm					-2.034,424	-365,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-2.034,424	-365,000			
*	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					-2.034,424	-365,000			
+	<i>Xã Canh Hiệp</i>					-80,178	-149,000			
1	Làm cầu tràn qua khu sản xuất Canh Giao	2794/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	1.567,433	584,183	149,000	-80,178	-149,000	504,005	0,000	
+	<i>Xã Canh Hòa</i>					-1.000,000	0,000			
1	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Lũy đến đất ông Trị làng Canh Lãnh	3642/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	4.621,139	2.126,173	307,000	-1.000,000	0,000	1.126,173	307,000	
+	<i>Thị trấn Vân Canh</i>					-954,246	-216,000			
1	Đường BTXM từ quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	1196/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	5.436,155	954,246	216,000	-954,246	-216,000	0,000	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					2.034,424	365,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					946,731	365,000			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
*	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>									
+	<i>Xã Canh Hòa</i>									
1	Đường BTXM từ Quốc lộ 19C đến đất ông Ôt (cây Cây)	1048/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	808,906	0,000	0,000	7,707	265,000	7,707	265,000	
+	<i>Xã Canh Thuận</i>									
1	XD Kè từ cầu Canh Sơn đến nhà ông Thắng xóm mới làng Hà Lũy	742/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	4.087,810	0,000	0,000	845,576	100,000	845,576	100,000	
2	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến dốc Công Cha Rang	2380/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	1.826,543	237,820	0,000	93,448	0,000	331,268	0,000	
II	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực									
*	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>									
1	Trường PTDTBT Canh Thuận; Hạng mục: Xây mới 10 phòng ở cho học sinh bán trú; cải tạo nâng cấp nhà ăn, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	320/QĐ-SKHĐT ngày 07/11/2023	8.148,161	2.735,256	727,029	1.087,693	0,000	3.822,949	727,029	
D	BAN DÂN TỘC TỈNH									
*	Điều chỉnh giảm									
I	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình									
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>									
	Ban Dân tộc tỉnh									
1	- Đầu tư hệ thống máy tính cho các sở, ngành và địa phương liên quan phục vụ triển khai ứng dụng giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025			455,000	0,000	-44,100	0,000	410,900	0,000	

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
*	Điều chỉnh tăng					44,100	0,000			
I	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình					44,100	0,000			
	<i>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN</i>					44,100	0,000			
	Ban Dân tộc tỉnh					44,100	0,000			
1	- Nâng cấp, vận hành hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định phục vụ tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030			200,000	0,000	44,100	0,000	244,100	0,000	
	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024									
A	HUYỆN HOÀI AN									
*	Điều chỉnh giảm					-400,000	-526,000			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					0,000	-253,000			
1	Dự án Khu Dân cư làng T6 (Làng mới Đak Pok)	5452/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	14.500,000	2.411,000	253,000	0,000	-253,000	2.411,000	0,000	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-400,000	-273,000			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					-400,000	-273,000			
+	<i>Xã Bók Tới</i>					-400,000	-273,000			
1	Nâng cấp, mở rộng từ cầu cây Cam đến cầu cây Tùng	1185/QĐ-UBND ngày 13/03/2024	4.997,000	1.819,000	273,000	-400,000	-273,000	1.419,000	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					400,000	526,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					400,000	273,000			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					400,000	273,000			
+	<i>Xã Bók Tới</i>					400,000	273,000			
1	Kênh mương tưới ruộng thôn T1, thôn T2	1417/QĐ-UBND ngày 28/03/2024	1.144,000	500,000	75,000	400,000	0,000	900,000	75,000	
2	Xây dựng mới trường Mầm non Bók Tới	4340/QĐ-UBND, 13/9/2023	4.887,443	600,000	90,000	0,000	273,000	600,000	363,000	
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					0,000	253,000			
1	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn T2, xã Bok Tới	5362/QĐ-UBND, 13/11/2023	1.601,807	563,000	59,000	0,000	253,000	563,000	312,000	
B	HUYỆN TÂY SON									
*	Điều chỉnh giảm					-159,368	-268,000			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-159,368	-268,000			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					<i>-159,368</i>	<i>-268,000</i>			
+	<i>Xã Vĩnh An</i>					<i>-159,368</i>	<i>-268,000</i>			
1	Mở rộng đường từ nhà Đình Rép đến rẫy Đình Thị Trâm.	5832/QĐ-UBND, 20/9/2023	1.275,035	54,000	38,000	-2,964	-38,000	51,036	0,000	
2	Mở rộng đường từ nhà Đình Cung đến rẫy bằng lát.	5829/QĐ-UBND, 20/9/2023	1.348,239	116,000	38,000	-3,306	-38,000	112,694	0,000	
3	Xây dựng Chợ xã Vĩnh An	6191/QĐ-UBND, 17/10/2022	4.447,330	27,000	192,000	0,000	-192,000	27,000	0,000	
4	Thảm BT nhựa đường làng Kon Giang	4633/QĐ-UBND, 25/10/2024	1.121,000	1.115,000	49,000	-96,577	0,000	1.018,423	49,000	
5	Thảm BT nhựa đường làng Kon Giọt 2	4650/QĐ-UBND, 28/10/2024	1.163,000	1.115,000	49,000	-56,521	0,000	1.058,479	49,000	
*	Điều chỉnh tăng					159,368	268,000			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					159,368	268,000			
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					159,368	268,000			
+	Xã Vĩnh An					159,368	268,000			
1	Sân thể thao làng Xà Tang		1.166,000	500,000	75,000	0,000	140,000	500,000	215,000	
2	Nâng cấp đường BTXM từ nghĩa trang nhân dân xã đến bản tin Dộc dài	4649/QĐ-UBND, 28/10/2024	820,850	300,000	45,000	159,368	128,000	459,368	173,000	
C	HUYỆN VĨNH THẠNH									
*	Điều chỉnh giảm					-896,890	-149,639			
I	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					-375,324	0,000			
1	Dự án định canh - định cư tập trung làng K2 (Suối Đá), xã Vĩnh Sơn	4332/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	25.625,000	1.459,048	0,000	-375,324	0,000	1.083,724	0,000	
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					-260,760	-68,639			
*	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>					-260,760	-68,639			
+	Xã Vĩnh Hào					-4,733	-34,000			
1	Xây dựng tường rào nhà văn hóa, sân bóng đá mini thôn Tà Điệt	1836/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	422,000	228,000	34,000	-4,733	-34,000	223,267	0,000	
+	Xã Vĩnh Hòa					-100,000	-15,000			
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Phạm Hồng Linh đến sông Kôn	1836/QĐ-UBND ngày 31/08/2022	1.026,409	100,000	15,000	-100,000	-15,000	0,000	0,000	
+	Xã Vĩnh Kim					-150,606	-15,000			
1	Mở đường sản xuất từ nhà ông Đinh Ngheo đến rừng ma suối nước Dơi	3084/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	698,182	56,000	8,000	-54,106	0,000	1,894	8,000	
2	BTXM kênh mương đầu làng Kon Trú (Đầu đập suối nước xăng - ruộng Bá Truyền; Đầu đập suối nước Xiêm - ruộng Bók Na)	2242/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	445,324	100,000	15,000	-96,500	-15,000	3,500	0,000	

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
+	Xã Vinh Sơn					-1,440	0,000			
1	Đường vào khu sản xuất ruộng Gní	3058/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.747,558	1.178,477	150,000	-1,440	0,000	1.177,037	150,000	
+	Thị trấn Vinh Thạnh					-3,981	-4,639			
1	Nhà văn hóa khu phố KonKring. Hạng mục: BTXM sân nền + tường rào công nghệ, nhà vệ sinh	918/QĐ-UBND, 20/06/2024	402,000	350,000	53,000	-3,981	0,000	346,019	53,000	
2	BTXM đường vào các khu sản xuất Kon Kring	2243/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	288,000	63,000	9,000	0,000	-4,639	63,000	4,361	
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					-260,806	-81,000			
+	Xã Vinh Kim					-260,806	-81,000			
1	Xây dựng công trình thể thao thôn K6, Thôn Đăk Tra, xã Vinh Kim	3132/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	800,000	598,000	81,000	-260,806	-81,000	337,194	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					896,890	149,639			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					636,084	68,639			
*	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					636,084	68,639			
+	Xã Vinh Hào					14,068	38,639			
1	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Tà Địch đến ruộng Bàu Trung; từ trại Đình Dươm đến núi Hòn Nhọn	126/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024 xã	668,608	207,000	31,000	14,068	38,639	221,068	69,639	
+	Xã Vinh Kim					97,397	15,000			
1	Mở rộng nhà rông thôn Đăk Tra, O3		1.150,000	300,000	45,000	97,397	15,000	397,397	60,000	
+	Xã Vinh Sơn					149,295	15,000			
1	BTXM đường vào nghĩa địa các thôn	902/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	2.610,000	802,000	120,000	149,295	15,000	951,295	135,000	
+	Xã Vinh Thuận					375,324	0,000			
1	BTXM đường giao thông vào khu sản xuất các làng thuộc xã Vinh Thuận.	1956/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	4.370,000	2.490,550	297,000	375,324	0,000	2.865,874	297,000	

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
II	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch									
+	<i>Xã Vĩnh Kim</i>					260,806	81,000			
1	Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn O3, O5 xã Vĩnh Kim		2.300,000	1.716,000	283,000	260,806	81,000	1.976,806	364,000	
D	HUYỆN VÂN CANH									
*	Điều chỉnh giảm					-342,393	-486,895			
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc									
	<i>Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>									
+	<i>Xã Canh Hiệp</i>					0,000	-67,221			
1	Làm cầu trần qua khu sản xuất Canh Giao	2794/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	1.567,433	469,000	70,000	0,000	-67,221	469,000	2,779	
+	<i>Xã Canh Liên</i>					0,000	-51,830			
1	Xây dựng đường BTXM từ ruộng ông Vũng đến khu sản xuất Suối Cút	2496/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	1.623,261	360,000	54,000	0,000	-51,830	360,000	2,170	
+	<i>Xã Canh Thuận</i>					-222,393	-222,844			
1	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến dốc Công Cha Rang	2380/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	1.826,543	90,000	14,000	-90,000	-9,844	0,000	4,156	
2	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đất ông Tâm đi đến suối Kết	2501/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	1.101,747	122,000	18,000	-62,562	-18,000	59,438	0,000	
3	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lui đến thị trấn (Hạng mục: BTXM mặt đường và rãnh thoát nước)	2500/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	2.947,548	1.300,000	195,000	-69,831	-195,000	1.230,169	0,000	
+	<i>Thị trấn Vân Canh</i>					-120,000	-145,000			
1	Đường BTXM từ quốc lộ 19C đi Cụm Công nghiệp thị trấn	1196/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	5.436,155	969,000	145,000	-120,000	-145,000	849,000	0,000	
*	Điều chỉnh tăng					342,393	486,895			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc					342,393	486,895			
*	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					342,393	486,895			
+	Xã Canh Hiệp					99,230	0,000			
1	BTXM tuyến đường nội bộ xã Canh Hiệp	2546/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	1.086,326	0,000	0,000	99,230	0,000	99,230	0,000	
+	Xã Canh Thuận					243,163	486,895			
1	Bê tông hóa tuyến từ đường liên xã vào khu sản xuất Hà Văn Dưới	1304/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	1.429,533	880,748	122,000	210,000	0,000	1.090,748	122,000	
2	XD Kè từ cầu Canh Sơn đến nhà ông Thắng xóm mới làng Hà Lũy	742/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	4.087,810	2.193,252	340,000	33,163	486,895	2.226,415	826,895	
E	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO									
*	Điều chỉnh giảm					-578,000	-90,772			
I	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					-578,000	-90,772			
*	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS					-578,000	-90,772			
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão: HM: Nâng cấp, cải tạo Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng, Nhà đa năng, Nhà lớp học bộ môn, Nhà hiệu bộ, đồ bê tông sân trường tại cơ sở 1; Nâng cấp, cải tạo Nhà hiệu bộ tại cơ sở 2		4.025,000	1.663,000	249,000	-410,000	-63,487	1.253,000	185,513	
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Vân Canh: HM: Xây dựng bổ sung 02 phòng học; Nâng cấp, cải tạo Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng và Nhà ở học sinh 16 phòng		3.310,000	1.000,000	150,000	-168,000	-27,285	832,000	122,715	
*	Điều chỉnh tăng					578,000	90,772			
I	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					578,000	90,772			

TT	Tên danh mục	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
*	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS</i>					578,000	90,772			
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT An Lão: HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa và Sân bê tông, lối đi Khu sinh hoạt giáo dục văn hóa	262/QĐ-SKHĐT ngày 29/9/2023	2.915,212	1.290,000	194,000	168,000	27,285	1.458,000	221,285	
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS&THPT Vân Canh: HM: Xây dựng mới Nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa; Nâng cấp, cải tạo Nhà hiệu bộ; Nâng cấp, cải tạo Tường rào mặt sau giáp Suối nước và nâng nền xung quanh	261/QĐ-SKHĐT ngày 29/9/2023	5.438,870	2.000,000	300,000	410,000	63,487	2.410,000	363,487	

**ĐIỀU CHỈNH NỘI BỘ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
(VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI VÀ NĂM 2024)**

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Lý do điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2023 KÉO DÀI										
A	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH ĐỊNH										
*	Điều chỉnh giảm					0,000	-783,510				
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					0,000	-783,510				
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>					0,000	-783,510				
	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định					0,000	-341,117				
1	Mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, kỹ thuật xét nghiệm Y học của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định năm 2023	249/QĐ-SKHDT, 20/9/2023	6.286,000	0,000	363,380	0,000	-341,117	0,000	22,263		
2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở thực hành 06 Nguyễn Huệ của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng học thực hành của Khoa Điều dưỡng, Khoa Dược và xây dựng các công trình phụ.	230/QĐ-SKHDT, 07/9/2024	6.385,000	2.271,914	1.256,989	0,000	-442,393	2.271,914	814,596		
*	Điều chỉnh tăng					0,000	783,510				
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					0,000	783,510				
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>					0,000	783,510				
	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định					0,000	783,510				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng học thực hành thuộc khối nhà 4 tầng, bể an toàn sinh học, các hạng mục phụ trợ khác Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Sân bê tông thoát nước Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo)		14.390,000	101,440	0,000	0,000	783,510	101,440	783,510		
	KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024										
A	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BÌNH ĐỊNH										
*	Điều chỉnh giảm					-1.511,000	-655,000				
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					-1.511,000	-655,000				
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>					-1.511,000	-655,000				
	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định					-1.511,000	-655,000				
1	Mua sắm trang thiết bị đào tạo ngành Điều dưỡng, Dược, kỹ thuật xét nghiệm Y học và thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm Quản lý để thực hiện công tác chuyển đổi số của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định năm 2024			1.511,000	2.045,000	-1.511,000	-655,000	0,000	1.390,000		
*	Điều chỉnh tăng					1.511,000	655,000				
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					1.511,000	655,000				

STT	Tên dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước điều chỉnh		Điều chỉnh: tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh		Lý do điều chỉnh	Ghi chú
		Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
	<i>Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>					<i>1.511,000</i>	<i>655,000</i>				
	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định					1.511,000	655,000				
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo của Trường Cao đẳng Y tế Bình Định (Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các phòng học thực hành thuộc khối nhà 4 tầng, bể an toàn sinh học, các hạng mục phụ trợ khác Cơ sở 06 Nguyễn Huệ và Sân bê tông thoát nước Cơ sở 130 Trần Hưng Đạo)		14.390,000	10.781,481	342,000	1.511,000	655,000	12.292,481	997,000		